

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022.

V/v: “ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN PHƯỜNG B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2. Ông Lưu Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Phường B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Phường B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1964 (có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 63/3 đường BH, Phường A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 63/3 đường BH, Phường A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị C và ông Lê Văn H chung sống với nhau từ năm 1985 không đăng ký kết hôn. Ông, bà có hai con chung là Lê Văn Hoàng L, sinh ngày 24/3/1986 và Lê Hoàng Kiều O, sinh ngày 16/02/1992

Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Từ năm 2018 đến nay, ông H do cờ bạc nợ nần đã bỏ đi, đi đâu không rõ. Bà C đã tìm cách liên lạc, tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức của ông H. Bà C đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố một người là mất tích tại Tòa án nhân dân Phường B. Nay Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho

ông được ly hôn. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Ông, bà không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Phường B tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiến nghị Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử trễ hạn luật định.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Lê Thị C và ông Lê Văn H là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “ly hôn”. Xét bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Phường B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [1]

1.2. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị C và ông Lê Văn H. [2]

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị C và ông Lê Văn H chung sống với nhau từ năm 1985 không đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên dù không đăng ký kết hôn vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trình bày của nguyên đơn cho thấy từ năm 2018 đến nay, ông H đã mất tích. Bà C và ông H đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Phía Ông C đã được Tòa án tuyên bố là mất tích theo Quyết định số 354/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020. Ông C cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng Ông C đã bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, không rõ đi đâu, cho thấy Ông C không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng [4].

Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên với nhau trong quan hệ giữa vợ chồng không còn, nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn. [5]

2.2. Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 132, quyền số 63 ngày 06/5/1986, do Ủy ban nhân dân thị trấn TL, thành phố H, tỉnh BTT cấp và giấy khai sinh số 173, quyền số 01 ngày 30/7/2007 do Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố H, tỉnh TTH cấp, có cơ sở xác định trẻ Lê Văn Hoàng L(nam), sinh ngày 24/3/1986 và trẻ Lê Hoàng Kiều O (nữ), sinh ngày 16/02/1992 là con chung của ông Lê Văn H và bà Lê Thị C. Cả hai trẻ Hoàng L và Kiều O đều đã thành niên. [6]

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, nên Bà C phải chịu án phí là 300.000 đồng. [10]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,
- Áp dụng Điều 2 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C được ly hôn ông Lê Văn H.
2. Về con chung: Có hai con chung tên Lê Văn Hoàng L (nam), sinh ngày 24/3/1986 và trẻ Lê Hoàng Kiều O (nữ), sinh ngày 16/02/1992 đều đã thành niên.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Bà Lê Thị C chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0049687 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên